**ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN LỢI THẾ THƯƠNG MẠI ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP**

Ths. Dương Thị Thanh Hiền

Hiện nay trong các giao dịch mua bán, sáp nhập công ty (M&A: Mergers-Sáp nhập và Acquisitions-Mua lại)xuất hiện một khoản mục gọi là lợi thế thương mại (LTTM - Goowill), như việc công ty A mua công ty B sẽ xuất hiện LTTM. Có khá nhiều sự khác biệt giữa LTTM của chuẩn mực Việt Nam và chuẩn mực quốc tế. Tại Việt Nam nếu LTTM mà dương thì sẽ ghi nhận trên BCTC và phân bổ không quá 10 năm, trong khi chuẩn mực quốc tế yêu cầu tại thời điểm lập BCTC phải đánh giá sự suy giảm giá trị LTTM. Do vậy ảnh hưởng của kế toán LTTM khi áp dụng chuẩn mực Việt Nam hay chuẩn mực quốc tế đến BCTC đều có sự khác biệt rõ rệt.

1. **Hiểu về Lợi thế thương mại**

Saga giải thíchLợi thế thương mại (Goodwill) được xem như một tài sản vô hình trong Báo cáo tình hình tài chính bởi vì nó không phải một tài sản thực tế như nhà xưởng hay trang thiết bị. Lợi thế thương mại thường phản ánh giá trị của tài sản vô hình như giá trị thương hiệu của công ty, data khách hàng có sẵn, mối quan hệ tốt với khách hàng, mối quan hệ tốt với nhân viên hoặc bất cứ bằng sáng chế hay công nghệ phù hợp nào.

Một khía cạnh khác Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa số tiền mà một DN bỏ ra để mua một doanh nghiệp khác với giá trị tài sản thuần của doanh nghiệp được mua.

Ví dụ: Giả sử Microsoft mua lại FPT với giá 1 tỷ USD. Toàn bộ giá trị tài sản hiện có của FPT là 500 triệu USD (cộng tất cả các loại nhà cửa, ô tô, máy tính, động sản, bất động sản (có thể bao gồm cả giá trị thương hiệu của FPT hiện đang phản ánh trên BCTC (nếu có),...), giá trị các khoản nợ của FPT là 100 triệu USD. Như vậy giá trị tài sản thuần của FPT là 400 triệu USD. Khoản chênh lệch giữa giá mà Microsoft bỏ ra mua FPT và giá trị tài sản thuần là 600 triệu USD, đó chính là *lợi thế thương mại*.

Trên thế giới, “Lợi thế thương mại” (Goodwill) phát sinh từ việc mua, hợp nhất doanh nghiệp xuất hiện từ rất sớm. Trong quá trình phát triển của kế toán, đã có nhiều phương pháp hạch toán, xử lý lợi thế thương mại khác nhau. Từ chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 22 (1993), đến IAS 22 (1998), rồi đến IFRS 3 (2004) xem lợi thế thương mại (Goodwill) là phần chênh lệch giữa giá mua đã thanh toán cho việc mua doanh nghiệp trên giá trị hợp lý của tài sản thuần nhận được từ hoạt động mua doanh nghiệp đó. Trong đó, IAS đã đưa ra các phương pháp xử lý lợi thế thương mại rất rõ ràng và cụ thể ứng với từng giai đoạn phát triển.

Tại Việt Nam năm 2001, Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua doanh nghiệp (DN) lại được đề cập trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 về “Tài sản cố định vô hình”. Cụ thể như sau:

* LTTM là nguồn lực vô hình doanh nghiệp có được thông qua việc sáp nhập DN có tính chất mua lại được ghi nhận là LTTM vào ngày phát sinh nghiệp vụ mua.
* LTTM phát sinh từ việc sáp nhập DN có tính chất mua lại được thể hiện bằng một khoản thanh toán do bên đi mua tài sản thực hiện để có thể thu được lợi nhuận trong tương lai.
* Chi phí phát sinh để tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhưng không hình thành TSCĐ vô hình vì không đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận trong chuẩn mực này, mà tạo ra LTTM từ nội bộ DN. LTTM được tạo ra từ nội bộ DN không được ghi nhận là tài sản vì nó không phải là nguồn lực có thể xác định được, không được đánh giá một cách đáng tin cậy và DN không kiểm soát được”.

Năm 2002, Thông tư 55/2002/TT-BTC đề cập đến lợi thế thương mại là chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách của các tài sản đơn vị được mua.

Năm 2005, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 (VAS-11) – “Hợp nhất kinh doanh” cũng đề cập đến LTTM như sau:

* + LTTM là những lợi ích kinh tế trong tương lai phát sinh từ các Tài sản không xác định được và không ghi nhận được một cách riêng biệt.
	+ Tại ngày mua bên mua sẽ ghi nhận LTTM phát sinh khi hợp nhất kinh doanh là tài sản; và xác định giá trị ban đầu cả LTTM theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng.

Công thức chung: Lợi thế thương mại = Giá phí hợp nhất kinh doanh – (% sở hữu) x giá trị tài sản thuần theo giá hợp lý.

Việc Lợi thế thương mại được nhắc đến nhiều đã khẳng định vị trí quan trọng của nó. Nhưng các quy định hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa phản ánh đầy đủ và chưa xử lý đúng mức đối với Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua doanh nghiệp.

**2. Ảnh hưởng Kế toán Lợi thế thương mại đến Báo cáo tài chính**

Từ Quyết định 1141 đến Quyết định 166, khái niệm lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất được khẳng định là vốn hóa thành **tài sản vô hình** và được tính khấu hao.

Tuy nhiên, theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 về “Tài sản cố định vô hình” thì lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua doanh nghiệp được hạch toán như là **khoản chi phí trả trước dài hạn**. Hạch toán như vậy là do đi từ cách định nghĩa: “Các tài sản vô hình khi mua doanh nghiệp nếu không thỏa mãn định nghĩa về tài sản vô hình và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản vô hình thì được coi là lợi thế thương mại”. Tuy nhiên định nghĩa này cũng khẳng định “Lợi thế thương mại” có bản chất là một tài sản. Mặt khác Lợi thế thương mại có giá trị khá lớn và được đánh giá có ảnh hưởng quan trọng đến lợi ích kinh tế tương lai, nhiều khi nó còn lớn hơn giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ của doanh nghiệp bị mua.

Theo thông tư 21/2006/TT-BTC: Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mua trong thời gian tối đa không quá 10 năm.

Nợ các TK 111,112, 131, 141, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 211, 213, ...

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (Chi phí về lợi thế thương mại)(goodwill)

Có các TK 411, 331, 311, 333, 338, 334, 335,  ...

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (negative goodwill)

**+ Định kỳ phân bổ LTTM: Nợ TK 642 / Có TK 242**

Thời gian khấu hao của LTTM dương: Căn cứ vào quy định hiện hành là 10 năm. Trường hợp phát sinh LTTM âm thì “bên mua phải xem xét lại giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và xác định giá phí hợp nhất kinh doanh.

Tuy nhiên, cách xử lý Lợi thế thương mại như trên liệu có hợp lý với tình hình Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh thế giới hay không?. Vì cho đến nay, chuẩn mực kế toán quốc tế đã hai lần sửa đổi về cách xử lý vấn đề này thể hiện ở IAS 22 (1998) và IFRS 3 (2004).

Phương pháp kế toán LTTM là chủ đề gây tranh luận trong nhiều năm. Các quy định của IAS và IFRS về LTTM bắt đầu từ năm 1993:

-        IAS 22 (1993) quy định rằng, LTTM là tài sản và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng có thời hạn được ước tính là không quá 20 năm.

-        IAS 22 (1998) quy định cho phép DN trích khấu hao LTTM trong thời gian trên 20 năm và phải đánh giá lại giá trị của LTTM.

-        IFRS 3 (2004) với quy định rằng, DN ghi nhận LTTM là tài sản, thời gian sử dụng không thời hạn, không trích khấu hao, và phải đánh giá giảm giá trị LTTM hàng năm.

Theo IFRS 3, (IFRS 3.51, 2007) LTTM là nguồn lực vô hình DN có được thông qua việc mua bán, sáp nhập DN. LTTM chỉ được ghi nhận khi phát sinh nghiệp vụ mua bán, sáp nhập DN. Trong khi đó, LTTM hình thành từ bên trong DN thì không được ghi nhận trên báo cáo tài chính (BCTC). Cách xác định giá trị LTTM là sự chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh (purchase price) và giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý (fair value).

Khi ghi nhận Goodwill, các DN phải sử dụng giá trị thị trường của tất cả những tài sản vô hình và hữu hình xác định được.Tuy nhiên, theo chuẩn mực này (IFRS 3), lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh sẽ không phân bổ dần vào chi phí. Thay vào đó, doanh nghiệp phải tiến hành đánh giá lại lợi thế thương mại của mình hàng năm, hoặc ngay khi có sự giảm sút về mặt giá trị hợp lý, phần giảm giá trị này sẽ được ghi nhận vào chi phí của doanh nghiệp. Goodwill được tạo ra khi DN A mua DN B, với mức giá chênh lệch so với giá trị thị trường của tài sản ròng của DN B (tổng tài sản trừ tổng nợ), và sự chênh lệch giữa hai giá trị đó chính là Goodwill, và sẽ được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính (Balance Sheet) của DN A.

Ví dụ: Giá trị thị trường tài sản của công ty A là 2 triệu USD, Nợ là 1 triệu USD, Tài sản ròng là 1 triệu USD. Và công ty B thu mua công ty A với giá là 1,1 triệu USD. Theo nguyên tắc, khoảng chênh lệch này sẽ được ghi nhận là Goodwill trong Bảng cân đối của công ty thu mua (Công ty B), dưới hạn mục tài sản vô hình. Cụ thể như sau:

                Debit Assets                   2.000.000

                Debit Goodwill                 100.000

                        Credit Liabilities                            1.000.000

                        Credit Cash                                    1.100.000

Phương pháp trích khấu hao LTTM theo IAS 22 (1993) bị chỉ trích rằng, đã khiến cho chi phí tăng lên và lợi nhuận ròng của DN bị giảm sút trong suốt 20 năm sau việc mua bán, sáp nhập DN. Ngoài ra, một vài lý luận khác cho rằng, LTTM có thời gian sử dụng là không giới hạn, vì thế, con số 20 năm được đưa ra là không đủ căn cứ. Sau này, IAS 22 (1998) cho phép kéo dài thời gian khấu hao LTTM là hơn 20 năm tùy theo tình hình của từng DN cụ thể và yêu cầu DN tiến hành đánh giá lại LTTM. Tuy nhiên, quy trình đánh giá lại LTTM thì chưa được hướng dẫn rõ ràng và phải đối mặt với rất nhiều ý kiến trái chiều vào thời điểm của IAS 22 (1998).

Trước những vấn đề bất cập của IAS 22, phương pháp đánh giá giảm giá trị LTTM hàng năm theo IFRS 3 ra đời thay thế cho phương pháp trích khấu hao LTTM. Ưu điểm của phương pháp này chính là sự minh bạch hơn trong BTTC. Đồng thời, cung cấp thông tin chuẩn xác và hữu ích hơn về giá trị còn lại của LTTM. Tuy nhiên, phương pháp này lại đối mặt với khá nhiều nhược điểm:

Thứ nhất, đó là sự phức tạp của cách đánh giá giảm giá trị LTTM. LTTM không phải là tài sản có thể bán được nên không có giá trị hợp lý có thể quan sát được và cũng không đem lại lợi ích kinh tế tương lai một cách rõ ràng, không có gì đảm bảo rằng doanh thu của DN sẽ tăng lên khi có thêm LTTM mà đã mua được từ việc mua bán, sáp nhập với DN khác. Vì thế, DN cần phân chia LTTM vào từng đơn vị tài sản mà đem lại lợi ích kinh tế tương lai rõ ràng (cash-generating unit) và thông qua giá thị trường của các đơn vị tài sản này để xác định giá trị còn lại của LTTM. (Felega et al., 2001).

Thứ hai, đánh giá lại giá trị LTTM có thể tương đối lớn, xảy ra không thường xuyên, và như vậy sẽ gây ra sự biến động ở tài sản trong BCTC.  Biến động này sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định của nhà đầu tư, và sau đó, ảnh hưởng xấu đến giá trị thị trường của DN (Duangploy et al., 2005).

Thứ ba, phương pháp này dẫn đến 3 vấn đề lớn trong kế toán của DN. Đó là (1) việc ước tính giá thị trường của đơn vị tài sản mà đem lại lợi ích kinh tế tương lai rõ ràng đòi hỏi nhà quản lý thực hiện một số giả định và dự đoán mà có thể dẫn đến sự thao túng trong ước tính thu nhập và chi phí (Sevin and Schroeder, 2005); (2) xác định một đơn vị tài sản là một sự phán xét chủ quan (Jerman and Manzin, 2008); và (3) việc gắn LTTM cho các đơn vị tài sản cũng là một sự phán xét chủ quan của nhà quản lý (Zang, 2008).

**3. Kết luận và khuyến nghị**

Trong các thương vụ mua bán sáp nhập (M&A), lợi thế thương mại là một khoản chi phí mà doanh nghiệp chi thêm ngoài giá thực tế của các tài sản cố định hữu hình nhằm thu được những lợi ích kinh tế phát sinh trong tương lai. Tuy nhiên, lợi thế thương mại cũng có thể trở thành “bất lợi” thương mại sau mỗi lần đánh giá lại, tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, vì đây là một khoản chi phí được khấu hao từng kỳ, nên sẽ kéo theo những áp lực về lợi nhuận sau M&A để bù đắp khoản chi phí này.

Như vậy, nhìn chung về mặt kế toán, cho dù áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam hay chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, lợi thế thương mại cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hay thu nhập trước thuế của doanh nghiệp, dưới hình thức phân bổ dần vào chi phí hay ghi nhận ngay phần giảm sút về mặt giá trị hợp lý của lợi thế thương mại như là một khoản chi phí.

Việc hoàn thiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam, sẽ góp phần tăng tính minh bạch, sự thống nhất và tính so sánh được của BCTC giữa các DN. Vấn đề kế toán LTTM trong IFRS 3 cũng sẽ là một trong những chuẩn mực, mà nếu áp dụng thì sẽ gây ra nhiều sự thay đổi trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việt Nam đang áp dụng phương pháp kế toán LTTM theo chuẩn mực kế toán VAS 11 gần giống với phương pháp trong IAS 22 (1993), ghi nhận LTTM là tài sản ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn (TK 242), thời gian sử dụng ước tính khấu hao là 10 năm và phương pháp phân bổ là phương pháp đường thẳng. Thông tư 202/2014/TT-BTC “Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất” yêu cầu công ty mẹ phải đánh giá tổn thất LTTM định kỳ, nếu có bằng chứng cho thấy số LTTM bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh. Tuy nhiên, việc áp dụng IFRS 3 hay sửa đổi VAS 11 theo hướng phù hợp với IFRS 3, đòi hỏi Việt Nam nhanh chóng ban hành chuẩn mực mới VAS 36 về “Suy giảm giá trị tài sản” hay “Tổn thất tài sản”.

**Lợi thế thương mại** rất khó để định giá, nhưng nó đóng góp đáng kể vào giá trị và thành công của công ty. Vì vậy, trước khi áp dụng các chuẩn mực kế toán có liên quan đến LTTM, đánh giá suy giảm LTTM, Việt Nam cần có những nghiên cứu để đánh giá đúng được giá trị hợp lý của LTTM và dự báo được những ảnh hưởng của phương pháp mới này trên BCTC và giá trị thị trường của DN.

**Tài liệu tham khảo**

## [1]. TS Bùi Công Khanh, Hoàn thiện phương pháp kế toán lợi thế thương mại.

# [2]. TS Trần Thị Kim Anh và ThS Hoàng Hà Anh, Ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS 3 (Hợp nhất kinh doanh) - Kế toán lợi thế thương mại đối với giá trị thị trường của DN.

[3]. IFRS 3 – Business Combinations.

]4]. IAS 22 business combinations. (1993). 2nd ed. London: IASCF Publ. Dep.

[6]. https://www.saga.vn/thuat-ngu/goodwill-loi-the-thuong-mai~2561